

# Nghiên cứu tác động của thuế quan đến xuất khẩu của Việt Nam sang các nước trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Lê Thị Ánh Tuyết<sup>(\*)</sup>

Ngày nhận bài: 04/5/2022 | Biên tập xong: 02/6/2022 | Duyệt đăng: 10/6/2022

**TÓM TẮT:** Nghiên cứu đánh giá tác động của thuế quan đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang các nước trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Nghiên cứu sử dụng số liệu giai đoạn 2001–2020 nhằm ước lượng tác động của thuế quan đến giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP. Kết quả đã cho thấy việc cắt giảm thuế quan có tác động tích cực đến xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP. Bên cạnh đó, độ mở thương mại của Việt Nam và các nước CPTPP cũng có tác động không nhỏ đến xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP. Dựa trên các kết quả nghiên cứu đó, bài viết cũng hàm ý một số chính sách thúc đẩy xuất khẩu Việt Nam trong tương lai. Để đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước CPTPP, Việt Nam nên: (i) Hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu rõ các chính sách thuế quan trong CPTPP; (ii) Cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nguồn lực cho sản xuất xuất khẩu; và (iii) Thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại giúp doanh nghiệp tiếp cận với thị trường CPTPP.

**TỪ KHÓA:** CPTPP, thuế quan, xuất khẩu, Việt Nam.

**Mã phân loại JEL:** C22, F14, F15, H72, O24.

## 1. Đặt vấn đề

CPTPP bao gồm Úc, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Việt Nam. Hiệp định CPTPP tạo ra khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới, với tổng GDP xấp xỉ 10.567 tỷ USD, chiếm xấp xỉ 13,5% GDP thế giới và bao trùm các thị trường rộng lớn trên thế giới ở nhiều châu lục.

Thực tế đã có rất nhiều nhà nghiên cứu bàn về tác động của các cam kết trong CPTPP tới hoạt động của của một số quốc gia cụ thể. Tuy vậy vẫn chưa có nghiên cứu nào ước lượng

<sup>(\*)</sup> Lê Thị Ánh Tuyết - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM; 56 Hoàng Diệu 2, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Email: tuyetlta@buh.edu.vn.

được mức độ thay đổi trong kim ngạch xuất khẩu của một quốc gia cụ thể nào trong CPTPP khi cam kết xóa bỏ thuế quan của Hiệp định này được thực thi. Về cơ bản, những cam kết xóa bỏ thuế quan mạnh mẽ của CPTPP có thể góp phần tạo ra những tác động tích cực trong việc thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu của các quốc gia thành viên nhưng mỗi quốc gia sẽ có mức độ thay đổi khác nhau. Do vậy, để có những ước lượng và dự báo chính xác về thay đổi của xuất khẩu Việt Nam trong CPTPP, tác giả thực hiện nghiên cứu tác động của thuế quan đến xuất khẩu của Việt Nam trong CPTPP, qua đó giúp doanh nghiệp và Chính phủ hiểu rõ hơn tầm quan trọng của CPTPP và có kế hoạch cụ thể hơn đối với chiến lược phát triển xuất khẩu Việt Nam trong thời gian tới.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Theo lý thuyết tác động của thuế quan, thuế nhập khẩu có xu hướng làm tăng giá trên thị trường nội địa, giảm lượng hàng nhập khẩu của một quốc gia. Điều này cho thấy khi tăng giảm 1% thuế quan có thể kéo theo những sự thay đổi trong số thu thuế xuất nhập khẩu của một quốc gia. Nhưng mức độ thay đổi này còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có chính sách quản lý của nhà nước về thuế xuất, nhập khẩu. Do vậy, khi thuế quan trong CPTPP cắt giảm, các quốc gia trong khối sẽ có xu hướng ưu tiên nhập khẩu nội khối, tạo ra cơ hội cho Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước này.

Nhà kinh tế học Laffer (1940) đã nghiên cứu và đưa ra mô hình đường cong thể hiện mối quan hệ giữa thuế suất và tổng thu từ thuế, gọi là đường cong Laffer. Dựa trên đường cong lý thuyết, Laffer đã chứng minh được rằng tăng thuế ở Mỹ sẽ tác động tiêu cực tới năng suất xã hội, tức là ở một mức thuế suất hợp lý, tổng thu từ thuế sẽ là tối đa. Khi thuế suất thay đổi ảnh hưởng tới nguồn thu thuế là do sẽ làm thay đổi lượng hàng xuất, nhập khẩu của một quốc gia.

Uysal & Mohamoud (2018) đã nhận diện các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến xuất khẩu của bảy quốc gia Đông Phi bao gồm: Ethiopia, Madagascar, Kenya, Sudan, Mozambique, Tanzania và Zambia. Tác giả sử dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng thông qua phần mềm Stata 12, với số liệu thứ cấp giai đoạn 1990–2015 để ước lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, lực lượng lao động có mối quan hệ tích cực, giải thích đến 26% khối lượng xuất khẩu của các nước. Lạm phát có tương quan tỉ lệ nghịch, tăng lạm phát dẫn đến giảm hiệu suất xuất khẩu. Ngoài ra, đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động tích cực, giải thích đến 29% khối lượng xuất khẩu. Trong khi đó, GDP là biến số duy nhất không ảnh hưởng đến giá trị xuất khẩu của các nước Đông Phi. Cuối cùng, tác động tích cực của tỷ giá hối đoái đối với xuất khẩu được nhìn thấy là khoảng 14%.

Okabe & Urata (2014) đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới thương mại của một số quốc gia trên thế giới bằng cách sử dụng mô hình trọng lực. Các biến độc lập được sử dụng trong mô hình chủ yếu là GDP bình quân đầu người, khoảng cách và ngôn ngữ. Kết quả cho thấy tăng trưởng GDP là biến số duy nhất không ảnh hưởng đến giá trị xuất khẩu của các nước.

Yang & Zarzoso (2014) đã nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu của các quốc gia đang tham gia vào các hiệp định thương mại tự do trong giai đoạn 1995–2010 bằng mô hình trọng lực. Các biến số như GDP, dân số, đường biên giới chung, ngôn ngữ và hiệp định thương mại tự do ACFTA được đưa vào mô hình để đánh giá tác động của việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do có ảnh hưởng rất lớn đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của một quốc gia.

Thai (2006) đã nghiên cứu các yếu tố tác động đến thương mại Việt Nam – EU bằng việc sử dụng dữ liệu bảng giai đoạn 1993–2004 và phương pháp REM. Kết quả nghiên cứu đã xác định được các yếu tố tác động mạnh đến thương mại Việt Nam – EU bao gồm: GDP và

dân số của nước xuất khẩu, GDP và dân số của nước nhập khẩu, tỷ giá hối đoái.

Bac (2010) cũng sử dụng mô hình trọng lực để phân tích hoạt động xuất khẩu ở Việt Nam. Kết quả chỉ ra rằng các biến thu nhập, tỷ giá hối đoái và gia nhập ASEAN có ảnh hưởng tích cực tới kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Tu & Giang (2018) đã phân tích các yếu tố tác động tới xuất khẩu của Việt Nam bằng việc sử dụng dữ liệu bảng của 70 đối tác xuất khẩu lớn của Việt Nam trong giai đoạn 2001–2013. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng GDP của Việt Nam, GDP của nước nhập khẩu, dân số của quốc gia nhập khẩu và độ mở thương mại của quốc gia nhập khẩu là các yếu tố tác động tích cực tới xuất khẩu của Việt Nam. Trong khi đó, chi phí xuất khẩu có tác động cản trở mạnh hoạt động xuất khẩu của Việt Nam.

Qua lược khảo các nghiên cứu trong nước cũng như nước ngoài, tác giả có một số nhận định sau: Để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thương mại giữa các quốc gia trên thế giới có rất nhiều nghiên cứu sử dụng mô hình trọng lực nhưng vẫn chưa có nghiên cứu nào ước lượng được sự thay đổi xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP khi có sự điều

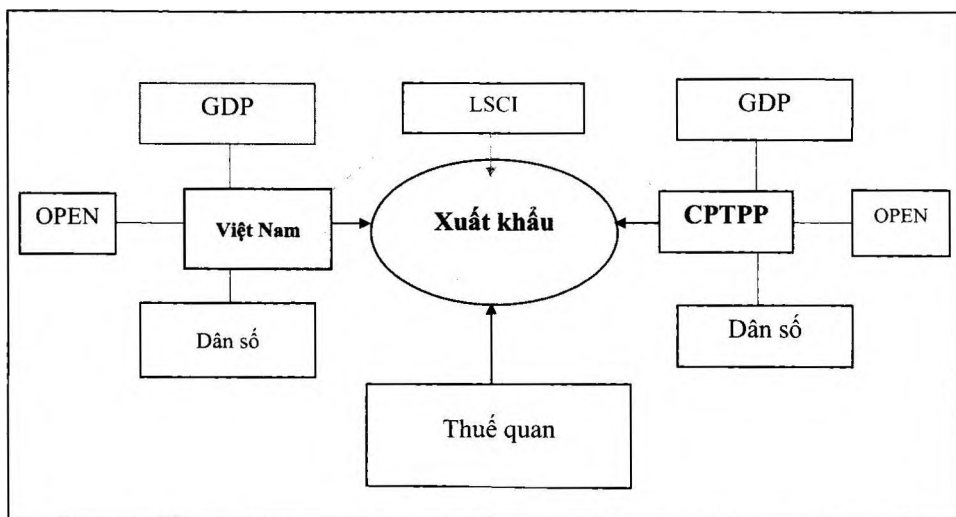
chỉnh về thuế quan. Do vậy, tác giả đề xuất nghiên cứu về xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP với nhân tố cốt lõi là thuế quan và một số nhân tố khác.

### 3. Đề xuất mô hình và phương pháp nghiên cứu

Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP được đề xuất như sau:

$$\ln EXP_t = \beta_0 + \beta_1 TRF_{cptpp} + \beta_2 GDP_{cptpp} + \beta_3 POP_{cptpp} + \beta_4 OPEN_{cptpp} + \beta_5 \ln LSCI_{cptpp} + \beta_6 GDP_{vn} + \beta_7 POP_{vn} + \beta_8 OPEN_{vn} + \beta_9 \ln LSCI_{vn} + \varepsilon$$

Mô hình hồi quy dữ liệu bảng được sử dụng để định lượng tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam sang các thành viên CPTPP thông qua mô hình: hồi quy thuần túy (Pool OLS), mô hình tác động cố định (FEM), tác động ngẫu nhiên (REM) và kiểm định tính phù hợp của mô hình, và kiểm tra Hausman với các khuyết tật trong mô hình. Mô hình hồi quy thuần túy là mô hình hồi quy sử dụng phương pháp bình phương



Nguồn: Tác giả đề xuất.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

**Bảng 1:** Mô tả các biến trong mô hình

Tên biến	Mô tả các biến	Dấu kỳ vọng	Nguồn dữ liệu
InEXP <sub>t</sub>	Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP năm t (lấy giá trị logarit)	+	Uncomtrade
TRF	Thuế quan trung bình của Việt Nam và của các nước CPTPP (%)	-	World Bank
InGDP	GDP bình quân đầu người của các nước CPTPP và Việt Nam năm t (lấy giá trị logarit)	+	World Bank
InPOP	Dân số các nước CPTPP và Việt Nam năm t (lấy giá trị logarit)	+	World Bank
InOPEN	Độ mở thương mại của các nước CPTPP và Việt Nam trong năm t (lấy giá trị logarit)	+	World Bank
InLSCI	Chỉ số kết nối vận tải của các nước CPTPP và Việt Nam (chỉ số thể hiện mức độ hội nhập của một quốc gia vào mạng lưới vận tải đường biển toàn cầu)	+	World Bank

Nguồn: Tác giả đề xuất.

nhỏ nhất (Pool OLS). Trong mô hình, các hệ số không thay đổi theo thời gian và không gian, không phụ thuộc vào sự tồn tại của các tác động cụ thể về không gian và thời gian của chuỗi dữ liệu. Do đó, ước tính này thường cho kết quả sai và không hiệu quả. FEM khắc phục những nhược điểm của Pool OLS, cho phép một sự kết hợp khác nhau của tất cả các quan sát chéo được biểu diễn tại điểm chặn. Tuy nhiên, nhược điểm của mô hình là nó loại bỏ các biến không đổi thời gian khỏi phương trình. Tương tự như mô hình FEM, REM có thể xác định các hệ số chặn khác nhau của mỗi đơn vị chéo, ảnh hưởng chung của các biến giải thích. Tuy nhiên, không giống như FEM, với REM, hệ số chặn của mỗi đơn vị chéo được suy ra từ một hệ số chung không đổi đối với đối tượng và thời gian và một biến ngẫu nhiên. Do đó, FEM giả định rằng các đối tượng và điểm chặn là cố định, trong khi REM giả định rằng các đơn vị chéo khác nhau về sai số. Vì vậy, khi nào sử dụng FEM? Khi nào sử dụng REM? Phép thử Hausman được sử dụng khi lựa chọn giữa hai mô hình FEM và REM.

Kiểm định Hausman là một bài kiểm tra giả thuyết thống kê trong kinh tế lượng. Thuật toán này được sử dụng để so sánh hai phương

pháp ước lượng FEM và REM. Nói một cách khác, để xem xét mô hình FEM hoặc REM phù hợp hơn, tác giả sử dụng kiểm định Hausman. Về bản chất, kiểm định Hausman để xem xét liệu có tồn tại mối tương quan tương tự giữa  $\epsilon_i$  và các biến độc lập hay không.

Các giả định:

$H_0$ :  $\epsilon_i$  và biến độc lập không tương quan với nhau;

$H_1$ :  $\epsilon_i$  và biến độc lập có tương quan với nhau

Khi giá trị P\_value < 0,05 chúng ta bác bỏ  $H_0$ , khi đó  $\epsilon_i$  và biến độc lập có tương quan và tác giả sử dụng mô hình tác động cố định. Ngược lại, tác giả sử dụng mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên.

Sau đó, nghiên cứu sẽ áp dụng F-test để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình. Ngoài ra, để tìm và sửa chữa các khiếm khuyết của mô hình, trong nghiên cứu này, tác giả còn áp dụng kiểm định phương sai thay đổi, kiểm định đa cộng tuyến và xác định hiện tượng tương quan chuỗi. Nếu xảy ra phương sai sai số thay đổi, dùng mô hình sai số chuẩn mạnh – Robust Standard Errors để khắc phục. Nếu đa cộng tuyến xảy ra, mô hình được khắc phục bằng cách thêm hoặc bớt các biến hoặc lấy hiệu số đầu tiên.

## 4. Kết quả thực nghiệm và thảo luận

### 4.1. Thống kê mô tả

Các biến có độ lệch chuẩn cao, có nghĩa là các biến này dao động rất mạnh.

### 4.2. Kết quả ước lượng của mô hình

Kết quả kiểm định Hausman cho thấy mô hình hồi quy FEM có khả năng kiểm soát các biến tốt hơn. Đồng thời, sau khi thử nghiệm và khắc phục các khiếm khuyết của mô hình, kết quả ước tính của mô hình sau khi hiệu chỉnh được thể hiện ở Bảng 4.

**Bảng 2:** Thống kê mô tả các biến

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
LnEXP	179	12,85057	2,3787	6,2897	16,7511
TRFcptpp	170	4,3233	3,1328	0	15,5700
LnGDPcptpp	162	1,0301	0,8673	-2,9519	2,6759
LnOPENcptpp	170	4,3018	0,7106	2,9855	6,0904
LnPOPcptpp	180	16,5956	1,6321	12,7368	18,6680
TRFvn	170	9,0652	3,6001	4,9800	15,2900
LnGDPvn	180	7,0439	0,6078	6,0034	7,8503
LnOPENvn	170	5,0071	0,1585	4,7140	5,3002
LnPOPvn	180	18,2892	0,0516	18,2067	18,3750
LnLSClcptpp	150	3,4972	0,8306	1,2412	4,7080
LnLSClvn	150	3,5217	0,5002	2,5541	4,1006

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

**Bảng 3:** Kết quả ước lượng của các mô hình

Biến độc lập	Biến phụ thuộc		
	POOL	FEM	REM
TRFcptpp	-0,0087	-0,0500*	-0,0087
	[-0,14]	[-1,92]	[-0,14]
lnGDPcptpp	-0,2403	0,1181**	-0.2403
	[-1,44]	[1,88]	[-1,44]
lnPOPcptpp	-0,2765***	-5,1410***	-0.2765***
	[-1,30]	[-3,39]	[-1,30]
lnOPENcptpp	-1,1250	0,0765	-1,125
	[-3,76]	[0,16]	[-3,76]
lnLSClcptpp	3,2314***	1,4689***	3.2314***
	[8,04]	[4,60]	[8,04]
TRFvn	-	-	-

**Bảng 3:** Kết quả ước lượng của các mô hình (tiếp theo)

Biến độc lập	Biến phụ thuộc		
	POOL	FEM	REM
lnGDPvn	0,6869	1,8287	0.6869
	[0,29]	[2,37]	[0,29]
lnPOPvn	-13,272	-0,0529	-13.272
	[-0,47]	[-0,01]	[-0,47]
lnOPENvn	1,6527	0,3757	1.6527
	[0,59]	[0,43]	[0,59]
lnLSClvn	0,3354	-0,1644	0,3354
	[0,42]	[-0,63]	[0,42]
ε	239,1491	82,5956	239,1491
	[0,48]	[0,46]	[0,48]
R <sup>2</sup>	0,6533	0,8557	0,6533

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

**Bảng 4:** Kết quả ước lượng của mô hình sau khi hiệu chỉnh

Biến độc lập	LnEXP
TRFcptpp	-0,1102*** [-4,39]
lnGDPcptpp	0,0278 [0,659]
lnPOPCptpp	1,0788 [0,75]
lnOPENcptpp	1,0540*** [2,47]
lnLSClcptpp	-
TRFvn	-
lnGDPvn	-
lnPOPvn	-
lnOPENvn	3,2432*** [3,82]
lnLSClvn	-
ε	-28,4076 [-1,28]
R <sup>2</sup>	0,8151

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu điều tra trên SPSS 25.

Kết quả ước lượng của mô hình sau khi hiệu chỉnh cho thấy:

*Thứ nhất*, biến TRFcptpp (mức thuế trung bình của các nước CPTPP) có quan hệ nghịch biến với tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP ở mức ý nghĩa thống kê 1%. Do đó, kết quả biến này phù hợp với các kỳ vọng từ mô hình đề xuất ban đầu. Với các điều kiện không thay đổi khác, khi thuế quan trung bình của các nước CPTPP giảm 1% thì kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP tăng 0,1102%.

*Thứ hai*, biến OPENcptpp và OPENvn cũng có tác động tích cực đến xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP có ý nghĩa thống kê là 1%. Do đó, các biến này cho kết quả phù hợp với kỳ vọng từ mô hình đề xuất ban đầu. Với các điều kiện không đổi khác, khi độ mở thương mại của các nước CPTPP tăng 1% thì kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP tăng 1,0540%. Tương tự, với các điều kiện không đổi khác, khi độ mở thương mại của Việt Nam tăng 1% thì kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với các nước CPTPP tăng 3,2432%.

Các biến còn lại như TRFvn, GDP, dân số, kết nối hàng hải của Việt Nam và các nước CPTPP bị loại khỏi mô hình do hiện tượng đa cộng tuyến và vô nghĩa trong mô hình. Vì vậy, đây được coi là một hạn chế trong kết quả nghiên cứu của bài viết, chưa lý giải được tác động của các biến số này đến xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP.

## 5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy khi thuế quan trung bình của các nước CPTPP giảm 1% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP tăng 0,1102%. Đây là dấu hiệu cho phép Việt Nam có quyền kỳ vọng vào khả năng đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước CPTPP sẽ tăng khá nhanh trong thời gian tới. Theo cam kết trong CPTPP, các nước thành viên CPTPP cam kết xóa bỏ từ 97% đến 100% số dòng thuế nhập khẩu đối với hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam. Như vậy, hầu như toàn bộ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc theo lộ trình. Đây rõ ràng là mức cam kết cao nhất mà Việt Nam nhận được từ các FTA hiện có.

Khi độ mở thương mại của các nước CPTPP (OPEN<sub>CPTPP</sub>) tăng 1%, xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP tăng 1,0504%. Tương tự, khi độ mở thương mại của Việt Nam tăng 1% thì xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP tăng 3,2432%. Kết quả này cho thấy xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP cũng phụ thuộc khá nhiều vào độ mở thương mại của Việt Nam và các nước đối tác trong CPTPP. Chính vì vậy, trong thời gian qua Việt Nam đã không ngừng tham gia và ký kết rất nhiều các Hiệp định thương mại song và đa phương. Tuy nhiên, để gia tăng độ mở thương mại, Việt Nam nên có những chính sách cụ thể, cũng như nội luật hóa các cam kết của các Hiệp định vào thực tiễn thương mại trong nước một cách hiệu quả và thiết thực hơn.

Tóm lại, Hiệp định CPTPP sẽ mở ra cơ hội rất lớn giúp Việt Nam cơ cấu lại và mở rộng thị trường xuất khẩu. Châu Á là thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam hiện nay chiếm khoảng 50% giá trị kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới. Việc ký kết các hiệp định FTA mới như CPTPP sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập và khai thác các thị trường mới còn nhiều tiềm năng. Tuy nhiên, việc thực thi Hiệp định CPTPP cũng đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam. Để được hưởng các ưu đãi thuế quan trong CPTPP, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phải đáp ứng các tiêu chí về xuất xứ. Thách thức thực sự khó cải thiện đối với các doanh nghiệp Việt Nam bởi nhận thức của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài. Ngoài ra, xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước của các nước nhập khẩu thông qua các rào cản phi thuế ngày càng tăng và tinh vi. Đó là những quy định về tiêu chuẩn chất lượng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm,... Trong khi đó, với những hạn chế nhất định trong trình độ khoa học kỹ thuật, tập quán sản xuất,... sẽ khiến các doanh nghiệp Việt Nam khó khăn trong đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật này của các nước phát triển. Tóm lại, các quy định, yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường, chất lượng sản phẩm và quy tắc xuất xứ sẽ là thách thức đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam khi muốn đẩy mạnh xuất khẩu nói chung và xuất khẩu vào thị trường các nước phát triển trong CPTPP nói riêng. Ngoài ra, Việt Nam cũng cần tăng cường các biện pháp chống gian lận xuất xứ nhằm bảo vệ các ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam trước nguy cơ chệch hướng thương mại, tranh thủ xuất xứ vàng của Việt Nam của các quốc gia khác khi trung chuyển qua Việt Nam. Cuối cùng, Chính phủ nên thực hiện hiệu quả hơn nữa các chương trình xúc tiến thương mại quảng bá nhằm đưa thương hiệu hàng Việt Nam tới gần bạn hàng quốc tế.

## Tài liệu tham khảo

- Armstrong, S. P. (2011). Australia and the Future of the Trans-Pacific Partnership Agreement. Trade Working Papers 23135, *East Asian Bureau of Economic Research*. <http://www.eaber.org/node/23135>.
- Laffer, A. B. (2004). The Laffer curve: Past, present, and future. *Backgrounders*, 2(1765), 1-16.
- Nguyen, X. B. (2010). The determinants of Vietnamese export flows: Static and dynamic panel gravity approaches. *International Journal of Economics and Finance*, 2(4), 122-129.
- Thai, T. D. (2006). *A gravity model for trade between Vietnam and twenty-three European countries*. Department of Economics and Society, Dalarna University, Sweden. <http://urn.kb.se/resolve?urn=urn:nbn:se:du-2160>.
- Tu, M. T. C. & Giang, H. T. T. (2018). Estimating the impact of trade cost on export: A case study Vietnam. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 5(3), 43-50.
- Uysal, O., & Mohamoud, A. S. (2018). Determinants of export performance in East Africa countries. *Chinese Business Review*, 17(4), 168-178.
- Yang, S., & Zarzoso, M. I. (2014). A panel data analysis of trade creation and trade diversion effects: The case of ASEAN-China Free Trade Area. *China Economic Review*, 29(C), 138-151.



# Researching the Impact of Tariffs on Vietnam's Exports to Countries in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership

Le Thi Anh Tuyet<sup>(\*)</sup>

Received: 04 May 2022 | Revised: 02 June 2022 | Accepted: 10 June 2022

---

**ABSTRACT:** This study aims to assess the impact of tariffs on Vietnam's exports to the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) countries. The study uses data from 2001 to 2020 to estimate the impact of tariffs on Vietnam's export value to CPTPP countries. The results show that the tariff reduction has a positive impact on Vietnam's exports to CPTPP countries. Besides, the trade openness of Vietnam and CPTPP countries also have significant impacts on Vietnam's exports to CPTPP countries. Based on the research results, the article also suggests some policies to promote Vietnam's exports in the future. To boost exports to CPTPP countries, Vietnam should: (i) assist businesses in understanding the tariff policies in the CPTPP; (ii) improve the investment environment to attract resources for export production; and (iii) implement trade promotion programs to help businesses in accessing the CPTPP market.

**KEYWORDS:** The Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership, tariff, export, Vietnam.

**JEL classification:** C22, F14, F15, H72, O24.

---



**Le Thi Anh Tuyet**

**Email:** tuyetlta@buh.edu.vn.

<sup>(\*)</sup> Banking University of HCMC;  
56 Hoang Dieu 2 Street, Thu Duc District, Ho Chi Minh City.